

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 6 - 2020.

V/v ly hôn giữa chị X và anh S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng;

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020. Về vụ án tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST – HNGĐ ngày 11/6/2020 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị X - Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Đội 13 Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn S - Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Đội 13 Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị X, anh S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Lê Thị X trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị kết hôn với anh Trần văn S vào tháng 8/2006 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt vợ chồng, mặc dù được gia

đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S là không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn S. Về con chung chị xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Minh Ph sinh ngày 19/7/2008 và cháu Trần Nhã H sinh ngày 12/01/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu H đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ph đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Ph cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia. Về tài sản chung: Chị X không yêu cầu tòa giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị X đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà cũng như tại các buổi làm việc bị đơn anh Trần Văn S trình bày: Anh xác định việc chị X khai về thời gian cũng như điều kiện kết hôn giữa anh với chị X là đúng, vợ chồng được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn vào tháng 8 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng tranh cãi nhau. Tháng 10/2018 không biết lý do gì chị X tự ý bỏ đi. Sau khi chị X bỏ đi anh đã đi tìm nhiều lần nhưng chị X không về mà đòi ly hôn vì vậy vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2018. Nay chị X có đơn xin ly hôn quan điểm của anh không nhất trí ly hôn vì anh không muốn con cái sau này không có bố hoặc mẹ, mặt khác gia đình anh là gia đình công giáo. Về con chung vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Minh Ph sinh ngày 19/7/2008 và cháu Trần Nhã H sinh ngày 12/01/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân cả hai con đều do anh nuôi dưỡng sau đó thời gian chị X về đưa cháu H đi hiện cháu H đang do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ph đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên toà hôm nay anh có quan điểm nếu vợ chồng ly hôn anh nhất trí với quan điểm của chị X là anh trực tiếp nuôi cháu Ph còn chị X trực tiếp nuôi cháu H và không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Về tài sản chung anh S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm anh S đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Chị X xác định mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm nay có đơn xin ly hôn anh S thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã lớn

nhưng không nhất trí ly hôn vì anh không muốn các con sống thiếu bố hoặc mẹ. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị X anh S đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử lý hôn.

- Về con chung,: Chị X và anh S thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Minh Ph sinh ngày 19/7/2008 và cháu Trần Nhã H sinh ngày 12/01/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu H đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ph đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn nên giao mỗi người nuôi một con, giao cháu H cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ph cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia là phù hợp. Về tài sản chung anh S và chị X thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị X phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị X và anh Trần Văn S đều đăng ký hộ khẩu và hiện có địa chỉ thường trú tại huyện N, tỉnh Nam Định. Chị X có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vụ án của anh chị được Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị X và anh Trần Văn S vào tháng 8 năm 2006 được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ năm cuối năm 2018. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh S xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra xô sát cãi chửi nhau, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2018 nhưng anh không nhất trí ly hôn vì anh không muốn các con thiếu bố hoặc mẹ mặt khác gia đình anh lại là gia đình công giáo. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh S đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Khả năng đoàn tụ không còn, nay chị X xin ly hôn anh S xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét việc anh S

không nhất trí ly hôn vì không muốn các con sống thiếu bố hoặc mẹ và là gia đình công giáo, thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng giữa chị X với anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị X và anh Trần Văn S đều thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Minh Ph sinh ngày 19/7/2008 và cháu Trần Nhã H sinh ngày 12/01/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu H đang do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ph đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn chị X và anh S đều có quan điểm: Chị X tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Trần Nhã H sinh ngày 12/01/2015; anh S tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Trần Minh Ph sinh ngày 19/7/2008, không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

Xét nguyện vọng về giải quyết con chung của chị X và anh S thấy phù hợp, không trái pháp luật, bản thân cháu Ph đã trên 7 tuổi và cháu có nguyện vọng được ở với bố, cháu H hiện chưa đủ 7 tuổi để hỏi ý kiến nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Lê Thị X và anh Trần Văn S thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 6 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử lý hôn giữa chị Lê Thị X và anh Trần Văn S.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Nhã H sinh ngày 12/01/2015 cho chị Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu H đang do chị X trực tiếp nuôi dưỡng). Giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Minh Ph sinh ngày 19/7/2008 cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Ph đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị X phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000890 ngày

19/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương